

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**PL 02 - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ THU NỘP HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số 3157 /ĐHKT-KHTC ngày 21 / 10 /2019)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1	16050777	Hoàng Ngọc Mai	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
2	16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
3	16050794	Trịnh Phong	09/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
4	16050801	Chu Minh Quang	10/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
5	16050838	Trần Thâm Tuấn	11/25/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
6	16052359	Nguyễn Vũ Thuỳ Linh	06/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
7	16052361	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
8	16051011	Nguyễn Đức Anh	05/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	-	13,050,000
9	16051028	Nguyễn Hữu Dũng	04/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
10	16051145	Nguyễn Cẩm Tú	01/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
11	17050550	Bùi Thị Ngọc Anh	12/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
12	17050581	Trần Lam Hải	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
13	17050593	Nguyễn Lê Huy Hoàng	11/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
14	17050609	Phùng Thị Lệ	11/08/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
15	17050556	Nguyễn Tuấn Anh	04/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
16	17050598	Phạm Quang Huy	03/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
17	17050606	Nguyễn Ngọc Khánh	06/29/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
18	17050608	Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/23/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
19	17050631	Bùi Thị Ngọc	04/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
20	17050646	Trần Thị Thanh Thúy	11/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
21	17050667	Nguyễn Trí Dũng	01/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
22	17050674	Nguyễn Hải Hiệp	07/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
23	17050679	Nguyễn Đức Hùng	02/02/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
24	17050680	Lê Huy	07/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
25	17050695	Hoàng Thị Yến Linh	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
26	17050700	Phạm Công Minh	12/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
27	17050701	Đình Quang Minh	11/23/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
28	17050708	Phạm Kim Oanh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
29	17050721	Bùi Mai Thương	12/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
30	17050726	Bùi Quỳnh Trang	06/26/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	-	13,050,000
31	17050727	Nguyễn Thị Thu Trang	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
32	17050730	Đình Anh Tuấn	05/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
33	17050731	Bùi Sơn Tùng	11/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
34	17050732	Nguyễn Quang Tuyền	10/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
35	17050733	Nguyễn Thị Xuyên	08/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
36	17050735	Đỗ Quỳnh Anh	07/04/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
37	17050744	Nguyễn Thanh Hằng	10/07/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
38	17050746	Phạm Đức Huy	08/08/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
39	17050752	Vương Thị Hương Ly	12/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
40	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
41	17050757	Nguyễn Hạnh Uyên Phương	01/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
42	17050758	Lê Vũ Minh Quang	11/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
43	18050990	Bùi Thị Linh Anh	08/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	3,115,000	14,385,000	-	14,385,000
44	18051069	Trần Diệu Linh	02/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
45	18051072	Lưu Hà Ly	01/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
46	18051088	Đỗ Mai Phương	08/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
47	18051109	Nguyễn Thị Minh Thu	12/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
48	18051029	Nguyễn Thị Hoàng Giang	07/02/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
49	18050486	Lê Từ Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
50	18050534	Lê Tuấn Ngọc	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
51	18050549	Đặng Mai Phương	12/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
52	18050378	Đỗ Hoàng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
53	18050490	Trần Trung Kiên	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
54	18050540	Nguyễn Đăng Nhật	02/22/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
55	18050621	Nguyễn Thị Tuyết	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
56	18050630	Dương Thị Hồng Vinh	03/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
57	18050460	Đặng Huy Hiệu	09/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
58	18050469	Nguyễn Cao Việt Hưng	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
59	18050504	Trần Diệu Linh	04/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
60	18050546	Vũ Thị Hồng Nhung	12/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
61	18050595	Lưu Thị Thu Thùy	03/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
62	18051133	Phạm Hoàng Long	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
63	18050419	Nguyễn Nam Đan	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
64	18050462	Ngô Minh Hoàng	12/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
65	18050571	Đỗ Thị Hoài Thanh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
66	18050631	Văn Ngọc Vinh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
67	18050721	Đinh Bá Hoàng	05/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
68	18050781	Nguyễn Yến Ngọc	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
69	18050799	Nguyễn Văn Phương	07/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
70	18050656	Mai Hoàng Phương Anh	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	2,225,000	15,275,000	-	15,275,000
71	18050662	Nguyễn Phương Anh	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
72	18050707	Phạm Thị Thu Hà	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
73	18050720	Trương Thanh Hoa	02/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
74	18050729	Dương Quốc Huy	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
75	18050789	Phùng Đỗ Tâm Như	09/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
76	18050653	Hạng Triệu Đức Anh	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
77	18050654	Hoàng Thị Ngọc Anh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
78	18050671	Trần Thị Phương Anh	01/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
79	18050754	Nguyễn Thị Loan	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
80	18050718	Trần Thu Hiền	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
81	18050722	Phạm Minh Hoàng	08/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
82	18050723	Phan Huy Hoàng	08/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
83	18050736	Trần Việt Kết	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
84	18050737	Nguyễn Tuấn Khang	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
85	18050759	Vũ Quốc Long	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
86	18050764	Đoàn Thúy Mai	01/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
87	18050768	Đoàn Anh Minh	01/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
88	18050776	Bùi Thị Bích Ngọc	03/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
89	18050873	Lê Hoàng Linh Chi	05/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
90	18050882	Trần Công Đức	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
91	18050918	Nguyễn Khánh Linh	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
92	18050923	Vũ Thùy Linh	02/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
93	18050925	Nguyễn Phan Đình Long	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
94	18050936	Đinh Vân Nga	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
95	18050976	Nguyễn Đức Trung	12/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
96	18050883	Trịnh Đình Đức	03/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
97	18050896	Đỗ Thế Hiệp	10/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
98	18050932	Nguyễn Hà My	04/01/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
99	18050973	Trần Thu Trang	07/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
100	18050862	Phạm Ngọc Vân Anh	07/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
101	18050872	Hoàng Kim Chi	12/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
102	18050930	Trần Công Minh	01/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
103	18050949	Lê Đức Phong	12/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
104	18050974	Trần Vũ Minh Triết	09/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000
105	18050981	Hoàng Long Tùng Vân	09/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	-	17,500,000

Danh sách gồm 105 sinh viên